TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:58/2021/QĐST - HNGĐ	*B, ngày 13 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, T

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28/6/2021;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 mục I phần B danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý: số: 86/2021/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người yêu cầu:

1/ Bà Mai Thị Ch - sinh năm 1969

Trú tại: SN 191 đường H, khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T

2/ Ông Lê Văn D - sinh năm 1966

Trú tại: SN 191 đường H, khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã B, tỉnh T theo quy định tại Điều 29 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn D và bà Mai Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã P, huyện H, tỉnh T cấp đăng ký kết hôn năm 1989 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông D chơi bài bạc dẫn đến nợ nần. Nhiều lần ông D hứa sửa chữa nhưng sau đó lại tái phạm nên vợ chồng liên tục cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi nên vợ chồng đã ly thân gần 1 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên hai bên làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê Văn L(nam) sinh năm 1990, cháu thứ hai tên là Lê Thị Thanh T(nữ) sinh năm 1991. Các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí: Ông Lê Văn D, bà Mai Thị C mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Hai bên thỏa thuận bà Chanh nộp cả phần ông Dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Bà Mai Thị C và ông Lê Văn D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê Văn L(nam) sinh năm 1990, cháu thứ hai tên là Lê Thị Thanh T(nữ) sinh năm 1991. Các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm bà Mai Thị C nộp 150.000đ, ông Lê Văn D nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận bà C nộp cả cho ông D được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà C đã nộp 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0004957 ngày 28/6/2021 sang tiền lệ phí cho ông D. Như vậy, ông D, bà C đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKS thị xã B;
- UBND xã P,
Huyện. H (ĐK năm 1989)
- L- u hồ sơ vụ việc

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ